

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24-11-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng

Ông Hoàng Đức Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T; địa chỉ: Thôn 2, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T; địa chỉ: Thôn 2, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam X; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 07 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 08 tháng 12 năm 1997. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn chị T và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh Nguyễn Văn T hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Chị và anh T có 03 con chung tên Nguyễn Thị Sương Sương, sinh ngày 05/5/1999; Nguyễn Văn Thiệu, sinh ngày 10/10/2001 và Nguyễn Văn Vạn Vân, sinh ngày 05/9/2008. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Văn Vạn Vân. Con chung tên Nguyễn Thị Sương Sương và Nguyễn Văn Thiệu đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, chị và anh T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 27 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh Nguyễn Văn T thừa nhận lời khai của chị Nguyễn Thị T về thời gian, điều kiện, hình thức kết hôn là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh T cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, anh T nghi ngờ chị T có quan hệ với người khác. Anh T chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Nay chị T xin ly hôn, anh T thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn chị T. Anh và chị T có 03 con chung tên Nguyễn Thị Sương Sương, sinh ngày 05/5/1999; Nguyễn Văn Thiệu, sinh ngày 10/10/2001 và Nguyễn Văn Vạn Vân, sinh ngày 05/9/2008. Khi ly hôn anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Văn Vạn Vân. Con chung tên Nguyễn Thị Sương Sương và Nguyễn Văn Thiệu đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, anh và chị T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử

căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T. Giao con chung Nguyễn Văn Vạn Vân, sinh ngày 05/9/2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung tên Nguyễn Thị Sương Sương, sinh ngày 05/5/1999; Nguyễn Văn Thiệu, sinh ngày 10/10/2001 đã thành niên và có khả năng lao động, chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung do các đương sự không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao giấy khai sinh của con; Bản tự khai; Biên bản lấy lời khai; Đơn đề nghị xem xét nguyện vọng của con chung ghi ngày 29/10/2021; Đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt của anh Nguyễn Văn T; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn T đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên và có nơi cư trú tại thôn 2, xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 08 tháng 12 năm 1997 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện nguyên nhân mâu

thuần là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh T đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện anh T đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên. Chị Nguyễn Thị T xin ly hôn, anh Nguyễn Văn T thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn chị T. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T có 03 con chung tên Nguyễn Thị Sương Sương, sinh ngày 05/5/1999; Nguyễn Văn Thiệu, sinh ngày 10/10/2001 và Nguyễn Văn Vạn Vân, sinh ngày 05/9/2008. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Văn Vạn Vân; con chung tên Nguyễn Thị Sương Sương và Nguyễn Văn Thiệu đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Nguyễn Thị T là người đang trực tiếp nuôi con chung, anh Nguyễn Văn T hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên và đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con chung, cháu Nguyễn Văn Vạn Vân có nguyện vọng ở với mẹ nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung tên Nguyễn Văn Vạn Vân cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T trình bày thống nhất tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T.
2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Văn Vạn Vân, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Con chung tên Nguyễn Thị Sương Sương, sinh ngày 05 tháng 5 năm 1999 và Nguyễn Văn Thiệu, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2001 đã thành niên và có khả năng lao động nên chị T, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007533 ngày 11 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Mỹ Đông, huyện Thủy Nguyên (Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 08/12/1997);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lê Thị Hà

